

PHỤ LỤC 06
BIỂU PHÍ DỊCH VỤ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN SỐ ĐẸP CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

(Đính kèm và là một phần không thể tách rời của Biểu phí dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank số 162-2024-BPI-TGD, mã hiệu: BGA-TT.N/A.N/A/05)

(Mức phí nêu tại biểu phí này chưa bao gồm VAT)

Điều 1. Biểu phí tài khoản số đẹp cho Khách hàng ưu tiên

(Đơn vị tính: VNĐ/Tài khoản)

Tên TKSD	Loại áp dụng	Minh họa	Mức phí
Tài khoản số đẹp VVIP (*) Từ 3-15 kí tự	Định dạng - Số giống nhau - Tiến liên tục - 2 kí tự sắp xếp xen kẽ, đối xứng, lặp...	999	1,000,000,000
		8888	
		77777	
		123456	
		66668888	
		666666666	
		686868686868	

	Mức phí (Phí niêm yết dành cho KHCN thông thường tại quầy)	KH Elite (Nhận diện hệ thống Vip Type: AF-Elite)	KH Preferred (Nhận diện hệ thống Vip Type: AF – Preferred)	KH Special (Nhận diện hệ thống Vip Type: AF-Special)
Tài khoản số đẹp 3-15 kí tự	Từ 50 triệu trở lên	Bảng mức phí Online tại phụ lục 01-13		
	Dưới 50 triệu (*)	0	Phí dưới 10 triệu: 0 đồng. Các mức phí còn lại bằng mức phí online tại phụ đính 01-13	Bảng mức phí online tại phụ đính 01-13

(*) Mức phí trên là mức phí ưu đãi được áp dụng cho TSKĐ đầu tiên mở sau thời điểm định danh KHUT và chưa hưởng ưu đãi miễn phí, không tính TKSD theo ngày sinh và số điện thoại. Trong trường hợp KH không muốn nhận ưu đãi miễn phí TSKĐ đầu tiên, Đơn vị thực hiện thu theo mức phí Online tại phụ đính 01-13.

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN SỐ ĐẸP CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Mã hiệu: PL06.BGA-TT.N/A.N/A/05

Đối với TSKĐ thứ 2 trở đi: thu 100% theo mức phí online tại phụ đính 01-13.

Điều 2. Biểu phí tài khoản số đẹp cho phân khúc Private

(Đơn vị tính: VND/ tài khoản)

Tên TKSD	Loại áp dụng	Minh họa	Mức phí
Tài khoản số đẹp VVIP (**) Từ 3-15 kí tự	Định dạng - Số giống nhau - Tiến liên tục - 2 kí tự sắp xếp xen kẽ, đối xứng, lặp...	999	1,000,000,000
		8888	
		77777	
		123456	
		66668888	
		666666666 686868686868	

Tài khoản số đẹp 3-15 kí tự	Mức phí (*) (Phí niêm yết dành cho KHCN thông thường tại quầy)	KH Private chính thức (Nhận diện hệ thống VIP Type=Official-Private)	KH Pre-Private (Nhận diện hệ thống Vip Type: Pre-Private)
	Trên 100 triệu	Bảng mức phí Online tại phụ đính 01-13	
	Trên 50 triệu đến 100 triệu	KH mở TK VPB Private: Miễn phí KH mở TK khác: Bảng mức phí Online tại phụ đính 01-13	Bảng mức phí Online tại phụ đính 01-13
	Bằng 50 triệu	KH mở TK VPB Private: Miễn phí KH mở TK khác: Bảng mức phí Online tại phụ đính 01-13	
	Dưới 50 triệu	Miễn phí	Miễn phí

(**) Mức phí trên là mức phí ưu đãi được áp dụng cho TKSD đầu tiên mở sau thời điểm định danh Private và chưa hưởng ưu đãi miễn phí, không tính TKSD theo ngày sinh và số điện thoại.

Đối với TKSD thứ 2 trở đi: thu 100% theo mức phí online tại phụ đính 01-13.

Điều 3. Biểu phí tài khoản số đẹp cho Khách hàng cá nhân khác (không bao gồm Khách hàng ưu tiên và Khách hàng Private)

(Đơn vị tính: VND/tài khoản)

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN SỐ ĐẸP CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Mã hiệu: PL06.BGA-TT.N/A.N/A/05

Tên TKSD	Loại áp dụng	Minh họa	Mức phí
Tài khoản số đẹp VVIP (*) Từ 3-15 kí tự	Định dạng	999	1,000,000,000
	- Số giống nhau	8888	
	- Tiến liên tục	77777	
	- 2 kí tự sắp xếp xen kẽ, đối xứng, lặp...	123456	
		66668888	
		666666666	
		686868686868	
Tài khoản số đẹp 3-15 kí tự	Chi tiết theo Phụ đính 01-13 của biểu phí này		

Điều 4. Chính sách hoàn phí TKSD

Casa bình quân Khách hàng cần duy trì trên TKSD tham gia chương trình hoàn phí áp dụng theo bảng phía dưới:

(Đơn vị tính: VNĐ/tài khoản)

(*) *Phí thực thu*: là mức phí mở TKSD mà VPBank đã thu của Khách hàng

(**) **Số dư Casa bình quân trên TKSD**: bao gồm số dư Casa bình quân duy trì trên TKSD và số dư đầu tư eKash bình quân quy đổi theo tỷ lệ 100% được ghi nhận là số dư Casa của TKSD đó. Tỷ lệ quy đổi số dư eKash này có thể được điều chỉnh theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.

Mức phí (Phí thực thu*)	Cơ chế hoàn phí
	Yêu cầu số dư Casa BQ trên TKSD (**) trong 3 tháng liên tiếp gồm tháng T, T+1, T+2 hoặc tháng T+1, T+2, T+3 đạt như sau: (Trong đó T là tháng KH mở TKSD)
Từ 500 triệu trở lên	Tối thiểu 10 tỷ đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 20 tỷ/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%
Từ 200 triệu đến dưới 500 triệu	Tối thiểu 03 tỷ đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 06 tỷ/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%
Từ 120 triệu đến dưới 200 triệu	Tối thiểu 02 tỷ đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 04 tỷ/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%
Từ 50 triệu đến dưới 120 triệu	Tối thiểu 01 tỷ đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 02 tỷ/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN SỐ ĐẸP CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Mã hiệu: PL06.BGA-TT.N/A.N/A/05

Mức phí (Phí thực thu*)	Cơ chế hoàn phí	
	Yêu cầu số dư Casa BQ trên TKSD (**) trong 3 tháng liên tiếp gồm tháng T, T+1, T+2 hoặc tháng T+1, T+2, T+3 đạt như sau: <i>(Trong đó T là tháng KH mở TKSD)</i>	
Từ 30 triệu đến dưới 50 triệu	Tối thiểu 300 triệu đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 600 triệu/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%	
Từ 20 triệu đến dưới 30 triệu	Tối thiểu 100 triệu đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 200 triệu/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%	
Từ 12 triệu đến dưới 20 triệu	Tối thiểu 50 triệu đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 100 triệu/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%	
Từ 06 triệu đến dưới 12 triệu	Tối thiểu 30 triệu đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 60 triệu/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%	
Từ 01 triệu đến dưới 06 triệu	Tối thiểu 10 triệu đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 20 triệu/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%	
Từ 01 triệu trở xuống	Tối thiểu 05 triệu đồng/tháng đối với TKSD VND hoặc ngoại lệ quy đổi tương đương tối thiểu 10 triệu/tháng đối với TKSD ngoại tệ: hoàn 100%	

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ điều chỉnh phí TSKĐ, không áp dụng với TKSD VVIP

Đối tượng phân quyền điều chỉnh	Mức điều chỉnh giảm tối đa (Theo mức phí tại quầy)	Mức điều chỉnh tăng tối đa	Khách hàng áp dụng			
			KH Private	KHƯT	KH trung lưu	KHCN thường
Giám đốc Khu vực/Giám đốc Chi nhánh/Trưởng phòng/Trưởng nhóm DVKH/Trưởng phòng kinh doanh kiêm Phó Giám đốc chi nhánh/Phòng giao dịch thuộc Trung tâm kinh doanh Khách hàng tiểu thương/Trưởng phòng	50%	100% (Không vượt quá mức phí tại quầy)		x	x	x

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN SỐ ĐẸP CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Mã hiệu: PL06.BGA-TT.N/A.N/A/05

Đối tượng phân quyền điều chỉnh	Mức điều chỉnh giảm tối đa (Theo mức phí tại quầy)	Mức điều chỉnh tăng tối đa	Khách hàng áp dụng			
			KH Private	KHUT	KH trung lưu	KHCN thường
thuộc kênh bán hàng trực tiếp						
Giám đốc Vùng KHCN/Giám đốc Vùng thuộc Trung tâm kinh doanh Khách hàng tiểu thương/Giám đốc Trung tâm bán hàng thuộc Kênh bán hàng trực tiếp	60%	100% (Không vượt quá mức phí tại quầy)		x	x	x
Giám đốc Miền/Giám đốc Trung tâm kinh doanh Khách hàng tiểu thương/Giám đốc Kênh bán hàng trực tiếp	80%	100% (Không vượt quá mức phí tại quầy)		x	x	x
Giám đốc Trung tâm Phân khúc AF Sản phẩm đầu tư	100%	100%	x	x	x	
Trưởng phòng Quản lý phân khúc KHUT	100%	100%		x		
Trưởng phòng Quản lý phân khúc KH trung lưu	100%	100%			x	
Trưởng phòng sản phẩm Casa & Payroll	100%	100%				x
Giám đốc TT Sản phẩm huy động và CLDV	100%	100%	x	x	x	x
Ban Giám đốc Khối KHCN	100%	100%	x	x	x	x
Giám đốc Trung tâm kinh doanh Private	80%	100%	x	x	x	x

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN SỐ ĐẸP CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Mã hiệu: PL06.BGA-TT.N/A.N/A/05

Đối tượng phân quyền điều chỉnh	Mức điều chỉnh giảm tối đa (Theo mức phí tại quầy)	Mức điều chỉnh tăng tối đa	Khách hàng áp dụng			
			KH Private	KHUT	KH trung lưu	KHCN thường
		(Không vượt quá mức phí tại quầy)				
Trưởng phòng Quản lý phân khúc Private	100%	100%	x			

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ điều chỉnh phí TKSD VVIP

Đối tượng phân quyền điều chỉnh	Mức điều chỉnh tối đa
Ban Giám đốc Khối KHCN	80%
Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc Thường trực	100%

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ điều kiện hoàn phí TKSD

1. Giám đốc Trung tâm AF-MAF và Sản phẩm đầu tư/Trưởng phòng Quản lý phân khúc KHUT có thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ điều kiện hoàn phí TKSD cho Khách hàng ưu tiên (không áp dụng với TKSD VVIP)
2. Giám đốc Trung tâm AF-MAF và Sản phẩm đầu tư/Trưởng phòng Quản lý phân khúc Khách hàng trung lưu có thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ điều kiện hoàn phí TKSD cho Khách hàng trung lưu (không áp dụng với TKSD VVIP)
3. Trưởng phòng sản phẩm Casa & Payroll có thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ điều kiện hoàn phí TKSD cho KHCN thường (không áp dụng với TKSD VVIP)
4. Ban Giám đốc Khối KHCN/Giám đốc TT Sản phẩm huy động và CLDV có thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ điều kiện hoàn phí TKSD cho tất cả các Khách hàng (không áp dụng với TKSD VVIP)
5. Giám đốc Khối KHCN có thẩm quyền phê duyệt điều kiện hoàn phí với tài khoản số đẹp VVIP.
6. Giám đốc Trung tâm AF-MAF và Sản phẩm đầu tư/Trưởng phòng Quản lý phân khúc Private có thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ điều kiện hoàn phí TKSD cho Khách hàng Private (không áp dụng với TKSD VVIP).

Ghi chú:

(*) Tài khoản số đẹp VVIP là các tài khoản thanh toán số siêu đẹp, được đánh dấu trạng thái VVIP (Satus: VVIP) trên hệ thống T24 hoặc MSA của VPBank. Đây là kho dữ liệu đã được Khối Khách

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN SỐ ĐẸP CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Mã hiệu: PL06.BGA-TT.N/A.N/A/05

hàng cá nhân quản lý và chỉ sử dụng khi có sự phê duyệt của Ban Lãnh đạo Khối Khách hàng cá nhân hoặc Giám đốc TT Sản phẩm huy động và CLDV.

- Các mức phí trên chưa bao gồm VAT
- TKSD: Tài khoản thanh toán số đẹp

Điều 8. Điều khoản thi hành:

1. Phụ lục này có hiệu lực từ ngày 24/01/2026 và thay thế cho 210-2025-PL.BGA-TGD-Phụ lục 06 Biểu phí dịch vụ mở tài khoản thanh toán số đẹp cho Khách hàng cá nhân.
2. Những vấn đề chưa được quy định cụ thể trong Phụ lục này sẽ được thực hiện theo các quy định hiện hành có liên quan của VPBank và của Pháp luật.
3. Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối, Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm tại Hội sở, Giám đốc vùng, Giám đốc các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Phụ lục này.